|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số … ngày …tháng…năm…*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)*

Tên chương trình: **Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam**

**(Vietnamese Language and Culture)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam**

**(Vietnamese Language and Culture)**

Mã số: **7220101**

**1. Mục tiêu**

**1.1. Mục tiêu chung**

Căn cứ vào nhu cầu thực tế, khi đào tạo cử nhân ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Trường Đại học Kiên Giang xác định mục tiêu đào tạo cụ thể là đào tạo sâu về kiến thức chuyên ngành thuộc lĩnh vực văn hóa, du lịch và ngôn ngữ. Cùng với đó là xuất phát từ nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của nhiều địa phương, ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam sẽ đào tạo ra những cử nhân hội đủ phẩm chất và năng lực để đảm nhiệm các vị trí việc làm ở các lĩnh vực như du lịch, văn hóa và nghiên cứu ngôn ngữ. Với mục tiêu này, khi đào tạo ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Trường Đại học Kiên Giang sẽ góp phần bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1. Kiến thức**

- Cung cấp cho người học những kiến thức có tính hệ thống bao gồm các học phần như Triết học Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, vận dụng kiến thức này vào hoạt động thực tiễn;

- Hiểu rõ kiến thức cơ bản về chuyên ngành như: ngôn ngữ, văn hóa, du lịch, văn học Việt Nam và ngoài nước, lí luận và phê bình văn học…;

- Vận dụng, kết hợp kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội với kiến thức chuyên ngành theo hướng tích hợp;

- Vận dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để tham gia các hoạt động nghiên cứu văn hóa, hướng dẫn viên du lịch…;

- So sánh được sự khác nhau về văn hóa của từng vùng miền;

- Đánh giá, nhận định được xu hướng phát triển du lịch, từ đó có những đề xuất khả quan hơn;

- Hệ thống hóa khối lượng kiến thức chuyên ngành, liên ngành, để từ đó thấy được mối liên quan nhất định.

**1.2.2. Kĩ năng**

- Phân tích, cảm thụ tác phẩm nghệ thuật;

- Rèn luyện và phát triển kĩ năng giao tiếp tiếng Việt ở mức độ thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường;

- Bình luận về một vấn đề liên quan đến ngôn ngữ, văn hóa hay du lịch;

- Sáng tạo trong cách tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch.

- Áp dụng tốt công nghệ thông tin và truyền thông để tìm kiếm tư liệu và hỗ trợ hoạt động thực tiễn.

**1.2.3. Thái độ**

- Say mê nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa và du lịch;

- Tôn trọng giá trị văn hóa của người Việt;

- Bồi dưỡng các giá trị chân - thiện - mỹ;

- Có tinh thần học hỏi, cầu tiến, rèn luyện bản thân, tận tụy với nghề nghiệp, sẵn sàng hợp tác với cộng đồng.

**1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

Tốt nghiệp cử nhân ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, sinh viên có thể làm việc tại các cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội như: Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Viện Bảo tàng, Văn phòng các cơ quan, đoàn thể thuộc khối hành chính sự nghiệp; làm công tác nghiên cứu ở các viện văn học, ngôn ngữ, văn hoá, trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội Trung ương và địa phương; làm việc ở các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam sẽ có khả năng tự học, tự nghiên cứu hoặc tham gia nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa, du lịch. Sinh viên có cơ hội và đủ năng lực có thể học lên các bậc cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ ở các chuyên ngành phù hợp như: Ngôn ngữ học, Văn học Việt Nam, Việt Nam học, Văn hóa học…

**1.2.5. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học**

**1.2.5.1. Ngoại ngữ**

Thực hiện được việc giao tiếp bằng tiếng Anh thành thạo: Trình độ B1 theo khung ngoại ngữ 6 bậc.

**1.2.5.2. Tin học**

- Thực hiện được các thao tác sử dụng máy tính; Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản;

- Áp dụng công nghệ thông tin vào việc truy cập tìm kiếm thông tin trên mạng;

- Sử dụng được các phần mềm máy tính xử lí các số liệu nghiên cứu khoa học.

**2. Chuẩn đầu ra**

**2.1. Kiến thức**

**2.1.1. Khối kiến thức giáo đục đại cương**

- Biết được những nguyên lí cơ bản của triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Hiểu kiến thức cơ sở về kinh tế, xã hội, nhà nước và pháp luật Việt Nam;

- Hiểu kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong khoa học xã hội;

- Phân tích và vận dụng tri thức và phương pháp liên ngành trong tiếp cận và nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa, du lịch Việt Nam.

**2.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành**

- Hiểu được các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa, du lịch…; vận dụng những kiến thức đó vào giải quyết những lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành;

- Hiểu rõ kiến thức đại cương về phong cách học, mĩ học, truyền thông; có khả năng vận dụng những tri thức đó vào học tập và nghiên cứu văn hóa Việt Nam.

**2.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành**

- Biết những kiến thức cơ bản của nhóm ngành như: Lịch sử tiếng Việt, thể chế chế chính trị, tôn giáo tín ngưỡng, văn học trung đại và hiện đại Việt Nam…;

- Hiểu được đặc điểm của ngôn ngữ tiếng Việt; có khả năng sử dụng tiếng Việt trong nghiên cứu Văn hóa, du lịch Việt Nam, Việt Nam học;

- Hiểu và trình bày được kiến thức về cơ sở văn hóa Việt Nam cũng như các tri thức nhất định về tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống như: nghệ thuật biểu diễn, làng xã, mĩ thuật và kiến trúc Việt Nam, các dân tộc thiểu số Việt Nam, di tích lịch sử, thắng cảnh, văn hóa ẩm thực, du lịch Việt Nam…;

- Hiểu được thế mạnh của từng vùng miền trong phát triển văn hóa, du lịch;

- So sánh và trình bày được đặc trưng văn hóa, du lịch của từng vùng miền trên đất nước Việt Nam;

- Sáng tạo trong thiết kế và tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch.

**2.2. Kĩ năng**

**2.2.1. Các kĩ năng nghề nghiệp**

- Trình bày thuyết minh về văn hóa, du lịch cho mọi người;

- Thực hiện nghiên cứu về tiếng Việt, văn hóa, du lịch Việt Nam;

- Sáng tạo trong tổ chức các sự kiện liên quan đến văn hóa, du lịch.

**2.2.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề**

- Xác định vấn đề, sự kiện, hiện tượng, quá trình văn hóa, xã hội cần nghiên cứu;

- Giải quyết tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch;

- Xác định phương pháp cần vận dụng trong nghiên cứu tiếng Việt, văn hóa Việt Nam.

**2.2.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức**

- Thực hiện được việc xây dựng đề cương nghiên cứu;

- Thực hiện được nguyên tắc nghiên cứu thực nghiệm;

- Trình bày các kết quả nghiên cứu qua báo báo khoa học.

**2.2.4. Khả năng tư duy theo hệ thống**

- Biết phương pháp thu thập và xử lí hệ thống số liệu;

- Suy luận và giải thích hợp lí các vấn đề nghiên cứu.

**2.2.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh.**

- Đề xuất các giải pháp, khuyến nghị để giải quyết các vấn đề xã hội, văn hóa Việt Nam;

- Sáng tạo trong xây dựng các đề án, tổ chức thực hiện các đề án phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa Việt Nam;

**2.2.6. Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn.**

- Khái quát, phát hiện được những bản sắc của văn hóa Việt Nam, những đặc điểm riêng, độc đáo của tiếng Việt;

- Nhận thức được cái tốt cần phát huy và những vấn đề bất cập cần hạn chế trong văn hóa Việt Nam.

**2.2.7. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp**

- Thích ứng với hoàn cảnh, xử lí vấn đề phù hợp với hoàn cảnh;

- Phân tích, nghiên cứu văn hóa Việt Nam dưới góc độ liên ngành;

- Hiểu được xu hướng phát triển của xã hội và thế giới để kịp thời cập nhật tri thức mới cho ngành nghề.

**2.2.8. Các kĩ năng cá nhân**

- Thích ứng với hoàn cảnh và thay đổi phù hợp với xu hướng phát triển xã hội;

- Xây dựng được các kế hoạch về công tác chuyên môn;

- Hiểu văn hóa trong giao tiếp của từng vùng, miền;

- Sử dụng giao tiếp qua các phương tiện kĩ thuật, công nghệ thông tin.

- Trình bày được các vấn đề trước mọi người;

- Phán đoán được tình huống, sự việc xảy ra trong công việc.

**2.2.9. Kĩ năng làm việc theo nhóm**

- Thực hiện được việc xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm làm việc;

- Tổ chức và điều hành hoạt động nhóm có hiệu quả.

**2.2.10. Kĩ năng quản lí và lãnh đạo**

- Thực hiện được kĩ năng tổ chức nhóm;

- Thực hiện điều hành và phát triển nhóm.

**2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

2.3.1. Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong làm việc nghiêm túc;

2.3.2. Có kế hoạch chủ động phát triển nghề nghiệp cho bản thân;

2.3.3. Có khả năng tự cập nhật kiến thức, thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành và chủ động xử lí những thay đổi một cách có hiệu quả.

**MA TRẬN KĨ NĂNG**

| **Học kì** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **2. Chuẩn đầu ra** | | | | | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2.1 Kiến thức** | | | **2.2 Kĩ năng** | | | | | | | | | | **2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | | |
| 2.1.1 | 2.1.2 | 2.1.3 | 2.2.1 | 2.2.2 | 2.2.3 | 2.2.4 | 2.2.5 | 2.2.6 | 2.2.7 | 2.2.8 | 2.2.9 | 2.2.10 | 2.3.1 | 2.3.2 | 2.3.3 |
| **I** | Z05001 | Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam\* | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  | X |  | X |
| F05010 | Tiếng Anh 1 | X |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  |  |  | X |  |  |
| G05097 | Tin học cơ sở | X |  |  |  |  |  | X |  |  |  | X |  |  |  |  | X |
| A05008 | Giáo dục thể chất 1\* | X |  |  |  |  | X |  |  | X |  |  |  |  | X |  |  |
| A05005 | Pháp luật đại cương | X |  |  |  |  |  | X |  | X |  | X |  |  | X |  |  |
| A26099 | Lịch sử tiếng Việt |  | X |  |  |  | X |  |  |  |  | X |  |  |  |  | X |
| A05014 | Logic học đại cương | X |  |  |  |  | X |  |  |  |  | X |  |  | X |  |  |
| A26097 | Cơ sở văn hóa Việt Nam |  | X |  |  |  |  |  | X | X | X |  |  | X |  | X | X |
| ***Chọn 1 trong 2 học phần*** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| A05060 | Xã hội học đại cương | X |  |  |  | X | X |  | X |  |  |  |  |  |  |  | X |
| A05049 | Lịch sử văn minh thế giới |  | X |  |  |  | X |  |  |  | X | X | X |  |  |  |  |
| **II** | F05011 | Tiếng Anh 2 | X |  |  |  |  |  |  |  | X |  | X |  |  | X |  | X |
| A05012 | Tâm lí học đại cương | X |  |  |  | X |  | X |  |  | X |  | X |  | X |  |  |
| A26098 | Ngôn ngữ học đại cương |  | X |  |  | X |  |  | X |  |  |  |  |  |  | X |  |
| A05009 | Giáo dục Thể chất 2\* | X |  |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  |
| Z05002 | Công tác Quốc phòng an ninh\* | X |  |  |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Chọn 2 trong 3 học phần*** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| A26109 | Mỹ học đại cương |  | X |  |  |  | X |  |  | X |  | X |  |  |  |  | X |
| A26107 | Văn hóa thế giới |  | X |  |  | X | X |  |  |  | X |  | X |  | X | X | X |
| A26108 | Kĩ năng giao tiếp |  | X |  |  |  |  | X |  |  | X | X |  | X |  | X | X |
| **III** | Z05006 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | X |  |  |  |  |  | X |  |  |  | X |  |  | X |  |  |
| F05012 | Tiếng Anh 3 | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X | X |  | X |  |  |
| Z05003 | Quân sự chung, chiến thuật, kĩ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn\* | X |  |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  |
| A05010 | Giáo dục Thể chất 3\* | X |  |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  |
| A05046 | Phương pháp nghiên cứu khoa học |  | X |  |  |  |  | X | X |  |  |  | X |  |  |  | X |
| A26100 | Văn học dân gian Việt Nam |  | X |  | X | X |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  | X |
| A26112 | Dẫn luận ngôn ngữ học |  | X |  |  |  | X | X |  | X |  |  |  |  |  |  | X |
| A27132 | Ngữ âm tiếng Việt |  |  | X | X |  | X | X |  | X |  | X | X |  |  | X | X |
| ***Chọn 2 trong 3 học phần*** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| A26110 | Tôn giáo trên thế giới và Việt Nam |  | X |  |  | X | X |  |  | X |  |  |  |  |  |  | X |
| A26111 | Tổng quan ngôn ngữ các dân tộc thiểu số |  | X |  |  |  | X | X |  |  |  | X |  |  |  |  | X |
| A27149 | Hán Nôm cơ sở |  | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  |  |
| **IV** | Z05004 | Hiểu biết chung về quân, binh chủng\* | X |  |  |  |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  | X |  |
| A26101 | Văn học Việt Nam 1 |  | X |  |  | X | X |  |  |  |  | X |  |  | X |  | X |
| A27134 | Ngữ pháp tiếng Việt |  |  | X | X | X | X |  |  |  |  | X |  |  | X |  | X |
| A26103 | Văn hóa làng xã Việt Nam |  |  | X | X | X | X | X |  | X |  | X |  |  |  | X | X |
| A26105 | Phong tục và lễ hội ở Việt Nam |  | X |  | X | X |  | X | X |  | X | X |  |  | X | X | X |
| A27133 | Từ vựng – Ngữ nghĩa tiếng Việt |  |  | X | X | X | X |  |  | X |  | X |  |  | X |  | X |
| A26106 | Địa danh học và địa danh Việt Nam |  |  | X |  | X | X |  |  | X |  | X |  |  | X |  | X |
| Z05007 | Chủ nghĩa Xã hội khoa học | X |  |  |  |  |  | X |  |  |  | X |  |  | X |  |  |
| **V** | Z05008 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | X |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  | X |
| A26102 | Văn học Việt Nam 2 |  | X |  |  | X | X |  |  | X |  | X |  |  | X |  | X |
| A27136 | Phương ngữ tiếng Việt |  |  | X | X |  | X |  | X | X |  |  | X |  |  |  | X |
| A27137 | Di tích thắng cảnh VN |  |  | X |  |  |  |  | X | X |  |  | X | X |  |  | X |
| A27138 | Du lịch văn hóa |  |  | X | X |  |  | X | X | X |  |  |  |  | X |  | X |
| A26104 | Ngữ pháp học chức năng |  |  | X | X | X | X | X |  | X |  | X |  |  |  | X | X |
| A27157 | Danh nhân đất Việt |  |  | X | X |  |  |  |  |  |  | X |  |  |  |  | X |
| **VI** | Z05009 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | X |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  |  |  | X |  |  |
| A27144 | Anh văn chuyên ngành 1 |  |  | X | X | X | X |  | X | X |  |  | X | X |  | X | X |
| A27143 | Kĩ năng Thuyết minh du lịch |  |  | X | X | X |  | X |  | X |  | X |  |  |  |  | X |
| A27139 | Du lịch sinh thái |  |  | X |  |  |  | X | X |  | X | X |  | X | X |  | X |
| A27140 | Tổng quan du lịch |  |  | X |  |  |  | X |  |  | X | X | X | X | X | X | X |
| A27141 | Tổ chức sự kiện và Du lịch MICE |  |  | X | X | X |  |  | X |  |  |  | X | X | X |  |  |
| A26110 | Phong cách học tiếng Việt |  | X |  |  | X | X |  |  | X |  |  |  |  |  |  | X |
| ***Chọn 2 trong 3 các học phần*** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| A27146 | Văn hóa các dân tộc Việt Nam |  |  | X | X | X |  |  | X |  |  |  |  |  | X | X | X |
| A27147 | Địa lí du lịch thế giới |  |  | X |  |  |  | X |  |  | X | X | X | X | X | X | X |
| A27135 | Ngôn ngữ Báo chí |  | X |  |  | X |  |  | X | X |  | X |  |  | X |  | X |
| **VII** | A27151 | Thực tế ngoài trường |  | X |  |  |  | X |  |  | X |  | X | X |  | X |  |  |
| A27152 | Thực tập nghề nghiệp | X |  |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  |  | X |  |  |
| A27148 | Văn hóa truyền thông |  |  | X | X |  |  |  | X | X | X | X |  |  | X |  | X |
| A27142 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch |  |  | X | X |  |  |  |  |  | X | X |  |  | X |  |  |
| A27145 | Anh văn chuyên ngành 2 |  |  | X | X | X | X |  | X | X |  |  | X | X |  | X | X |
| ***Chọn 1 trong 2 học phần*** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| A27150 | Hán Nôm nâng cao |  |  | X | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  |
| A27147 | Phương pháp biên tập Báo chí |  |  | X |  | X |  |  | X | X |  | X |  |  | X |  | X |
| **VIII** | A27153 | Khóa luận tốt nghiệp |  |  | X | X | X | X | X | X | X |  | X | X |  |  |  | X |
| ***Chọn 10 TC trong 6 học phần*** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| A27155 | Ngữ dụng học |  |  | X | X | X |  |  | X | X |  | X |  |  | X |  | X |
| A27156 | Văn hóa, dân cư, môi trường ĐBSCL |  |  | X |  |  |  |  |  |  |  |  | X |  |  | X |  |
| A27158 | Tuyến điểm du lịch Việt Nam |  |  | X |  |  |  | X |  |  | X | X | X |  | X | X | X |
| A27159 | Du lịch Tôn giáo - Tâm linh |  | X | X |  |  |  |  |  |  |  | X | X |  | X | X | X |
| A27154 | Nghệ thuật học |  |  | X | X | X | X | X |  | X |  | X |  |  |  | X | X |
| A27161 | Lữ hành nội địa và quốc tế |  |  | X |  |  |  | X |  |  | X | X | X | X | X |  |  |
| **Tổng 138 TC (Bao gồm GDQP và TC)** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 127 tín chỉ (Không kể khối lượng kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh).

**CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG THỐNG KÊ TỈ LỆ TÍN CHỈ** | | | | | | |
| **KHỐI KIẾN THỨC** | **Tổng** | | **Kiến thức** | | | |
| **Bắt buộc** | | **Tự chọn** | |
| **Tín chỉ** | **Tỷ lệ %** | **Tín chỉ** | **Tỷ lệ %** | **Tín chỉ** | **Tỷ lệ %** |
|
| **I. Kiến thức giáo dục đại cương** | **36** | **28.3** | **32** | **88.9** | **4** | **11.1** |
| 1.  Kiến thức chung | 36 | 100 | 32 | 88.9 | 4 | 11.1 |
| **II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | **91** | **71.7** | **69** | **75.8** | **22** | **24.2** |
| 2.  Kiến thức cơ sở ngành | 44 | 48.4 | 30 | 68.2 | 14 | 31.8 |
| 3.  Kiến thức chuyên ngành | 37 | 40.7 | 29 | 78.4 | 8 | 21.6 |
| 4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương | 10 | 22.7 | 10 | 10.0 | 15 | 10.0 |
| **Cộng** | **127** | **100** | **101** | **79.5** | **26** | **20.5** |

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Người Việt Nam và người nước ngoài, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế. Nếu có đủ điều kiện sau đây có thể dự thi vào ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam. Cụ thể:

1. Tốt nghiệp Trung học Phổ thông hoặc tương đương.

2. Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, THCN & DN số 10/TT-LB ngày 18/8/1989 và Công văn hướng dẫn 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ GD&ĐT.

3. Người học không vi phạm pháp luật và đang chấp hành hình phạt được tòa án có thẩm quyền tuyên án theo Hiến pháp và Pháp luật Việt Nam hiện hành.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quyết định số 22/QĐ-ĐHNT ngày 22/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành quy định đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 3 năm đầu của ngành đăng ký đào tạo: 100 SV/năm.

**6. Cách thức đánh giá:** Theo thang điểm đào tạo học chế tín chỉ

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm 10, sau đó quy đổi sang thang điểm 4 và quy tương đương sang điểm chữ theo quy định của trường. Cách xếp loại kết quả học tập được quy định như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xếp loại** | **Thang điểm 10** | **Thang điểm 4** | **Điểm chữ** |
| 1 | Xuất sắc | 9,0 - 10 | 4,0 | A |
| 2 | Giỏi | 8,0 - 8,9 | 3,5 | B+ |
| 3 | Khá | 7,0 - 7,9 | 3,0 | B |
| 4 | Trung bình khá | 6,0 - 6,9 | 2,5 | C+ |
| 5 | Trung bình | 5,0 - 5,9 | 2,0 | C |
| 6 | Trung bình yếu | 4,0 - 4,9 | 1,0 | D |
| 7 | Kém | < 4,0 | 0 | F |

**7. Nội dung chương trình**

| **TT** | **Mã**  **học phần** | **Tên**  **học phần** | **Nội dung cần đạt được của học phần** | **Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Z05005 | Triết học Mác – Lênin | - Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin.  - Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.  - Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin. | 45/00/90 |  |
|  | Z05006 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | - Trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức lý luận cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lắp, tăng cường tích hợp nội dung phù hợp với đối tượng sinh viên bậc đại học.  - Bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước. | 30/00/60 |  |
|  | A05003 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | - Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.  - Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.  - Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; Thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần và xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. | 30/00/60 |  |
|  | Z05008 | Lịch sử Đảng Cộng sản  Việt Nam | - Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).  - Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào.  - Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sự, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thực lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử, kỹ năng. | 30/00/60 |  |
|  | G05097 | Tin học  cơ sở | - Biết được những kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin: Tổng quan về công nghệ thông tin, biểu diễn và xử lý thông tin trên máy tính điện tử, tổng quan về máy tính; mạng máy tính và Internet; sử dụng hệ điều hành, sử dụng bộ phần mềm văn phòng.  - Có khả năng sử dụng thành thạo hệ điều hành Microsoft Windows, phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel, phần mềm tạo bản thuyết trình Microsoft PowerPoint; đồng thời biết sử dụng các dịch vụ Internet để tìm kiếm, trao đổi thông tin. | 30/15/90 |  |
|  | F05010 | Tiếng Anh 1 | Vận dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh để SV có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh trong những tình huống cơ bản. Ngoài ra, SV còn được thực hành nghe, nói và viết những tình huống tiếng Anh cơ bản, thông dụng trong cuộc sống hàng ngày. Sau khi kết thúc học phần, SV đạt trình độ A1 theo khung tham chiếu châu Âu. | 45/00/90 |  |
|  | F05011 | Tiếng Anh 2 | Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) về các chủ đề như: văn hóa và đất nước, sức khỏe, sở thích, tính cách con người, tiền bạc... | 45/00/90 |  |
|  | F05012 | Tiếng Anh 3 | Vận dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh để SV có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh trong những tình huống cơ bản. Ngoài ra, SV còn được thực hành nghe, nói và viết những tình huống tiếng Anh cơ bản, thông dụng trong cuộc sống hàng ngày. Sau khi kết thúc học phần, SV đạt trình độ A2 theo khung tham chiếu châu Âu. | 45/00/90 |  |
|  | A05012 | Tâm lí học đại cương | - Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tâm lí học đại cương  - Sinh viên vận dụng được kiến thức tâm lý học vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý của con người trong giao tiếp ứng xử và trong hoạt động thực tiễn một cách khoa học. | 15/15/90 |  |
|  | A05005 | Pháp luật đại cương | Giúp người học hiểu được kiến thức cơ bản về: Nhà nước và Pháp luật, quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật; hiện tượng vi phạm pháp luật và biện pháp cưỡng chế đối với các chủ thể vi phạm pháp luật; nội dung các ngành luật cơ bản và quan trọng của nhà nước Việt Nam hiện nay; rèn luyện cho người học sống và làm việc theo pháp luật. | 30/00/60 |  |
|  | A05046 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Xây dựng được thuyết minh đề cương và triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học theo đúng quy trình và biểu mẫu quy định. | 20/10/60 |  |
|  | A05014 | Logic học đại cương | - Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của logic hình thức, mối liên hệ hữu cơ giữa logic học và triết học, các phương pháp nghiên cứu đặc thù của logic học, các quy luật logic cơ bản và vai trò, ý nghĩa quan trọng của logic học trong việc hình thành, rèn luyện thói quen tư duy logic chặt chẽ, trình bày vấn đề một cách khoa học.  - Giúp sinh viên vận dụng thành thạo các quy luật và các hình thức logic của tư duy, tránh sai lầm trong việc suy nghĩ, phân tích, tổng hợp và trình bày vấn đề. Hình thành những kỹ năng như giao tiếp, ứng xử; đàm phán và thuyết trình, phản biện, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, óc sáng tạo, khám phá, học tập suốt đời.  - Người học có thái độ tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu và tham gia các buổi thuyết trình có sự nhìn nhận đúng đắn, khách quan về các vấn đề thuộc về tư duy. | 26/08/60 |  |
|  | Z06001 | Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam | - Trang bị những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, những quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân nhân, hiểu biết về nguồn gốc, bản chất chiến tranh, nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.  - Hiểu kiến thức cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; những nội dung chủ yếu chủ đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.  - Trang bị kiến thức về chiến tranh công nghệ cao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, động viên công nghiệp quốc phòng, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam. | 39/12/90 |  |
|  | Z06002 | Công tác Quốc phòng an ninh | Giúp người học hiểu được những kiến thức cơ bản về phòng chống âm mưu diễn biến hòa bình; cách thức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; chủ quyền biển đảo; các vấn đề về dân tộc, tôn giáo; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống tội phạm. | 26/08/60 |  |
|  | Z06003 | Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn | Giúp người học nắm và thực hành được những kiến thức, kỹ năng, chiến thuật quân sự cơ bản, cần thiết như: bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPĐ, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình khối; chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK. Nội dung gồm: sử dụng bản đồ địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; cấp cứu ban đầu các vết thương chiến tranh; đội ngũ đơn vị; từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng bài 1b tiểu liên AK. | 00/45/90 |  |
|  | Z06004 | Hiểu biết chung về quân, binh chủng | Hiểu được cách tổ chức lực lượng quân, binh chủng và lịch sử quân, binh chủng ở Việt Nam, tham quan một số đơn vị quân sự ở địa phương. | 10/10 |  |
|  | A05008 | Giáo dục Thể chất 1 | Giúp sinh viên thực hiện được các kỹ thuật chạy cự lý trung bình, kỹ thuật nhảy cao nằm nghiêng và kỹ thuật ném bóng, ném lựu đạn thể thao; đồng thời áp dụng phương pháp chạy cự ly trung bình, nhảy cao năm nghiêng và ném bóng. | 00/15/30 |  |
|  | A05009 | Giáo dục Thể chất 2\* | Giúp sinh viên hiểu biết về bóng đá cơ bản, có được kỹ năng chơi bóng đơn giản, hiểu biết luật thi đấu môn bóng đá, công tác tổ chức và điều hành một giải đấu. | 00/15/30 |  |
|  | A05010 | Giáo dục Thể chất 3\* | - Nhận biết và trình bày được những nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền: Di chuyển, chuyền bóng, phát bóng, đập bóng, chắn bóng.  - Mô tả, khái quát hóa, giải thích và vận dụng được luật bóng chuyền. | 00/15/30 |  |
|  | A05047 | Nghiệp vụ  văn thư  lưu trữ | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác văn thư. Giúp cho sinh viên hiểu được quy trình quản lý và giải quyết văn bản đi, văn bản đến; Quản lý và sử dụng con dấu; Lập hồ sơ và nộp hồ sơ vào lưu trữ cơ quan; Tổ chức lao động khoa học và trang thiết bị dùng trong công tác văn thư.  - Người học có một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của công tác văn thư để giải quyết những nghiệp vụ văn thư cơ bản. Người học có kỹ năng để giải quyết và quản lý văn bản đi, đến theo đúng quy trình; Quản lý và sử dụng con dấu đúng quy định; Lập hồ sơ và nộp hồ sơ đúng cách và khoa học.  - Rèn luyện thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động, đi học đúng giờ, không nghỉ quá số tiết quy định. Hình thành ý thức tự tìm hiểu các vấn đề liên quan đến môn học. | 30/0/60 |  |
|  | A05060 | Xã hội học đại cương | - Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của xã hội học như: khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của xã hội học, một số lý thuyết xã hội học cơ bản và những khái niệm xã hội học.  - Sinh viên có thể vận dụng các lý thuyết xã hội học để lý giải một số hiện tượng xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên có thể chọn một vấn đề xã hội để nghiên cứu, đánh giá và đưa ra ý kiến các nhân về vấn đề xã hội đã chọn. | 26/08/60 |  |
|  | A05049 | Lịch sử  văn minh  thế giới | - Giúp sinh viên nhận thức đúng về những thành tựu của nền văn minh nhân loại nói chung và sự đóng góp của mỗi nền văn minh khu vực, không tuyệt đối hóa nền văn minh nào.  - Trang bị cho sinh viên nhân sinh quan đúng đắn biết trân trọng giá trị tinh thần của quá khứ, có ý thức giữ gìn và phát huy những thành tựu văn minh của từng dân tộc. | 14/16/60 |  |
|  | A26103 | Văn hóa làng xã  Việt Nam | - Hiểu được khái niệm làng xã Việt Nam, nguồn gốc lịch sử và quá trình ra đời phát triển của làng xã Việt Nam;  - Trình bày được văn hóa làng xã Việt Nam, kết cấu kinh tế và xã hội làng xã Việt Nam;  - Phân tích được những biến đổi về kết cấu văn hóa, kinh tế, xã hội của làng xã Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. | 30/00/60 |  |
|  | A26097 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | - Cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản liên quan đến khái niệm văn hóa.  - Giúp SV có được cái nhìn khái quát và toàn diện về văn hóa Việt Nam ở các khía cạnh: thời gian (các giai đoạn phát triển của văn hóa trong lịch sử), không gian (các vùng văn hóa) và chủ thể (văn hóa người Việt – chủ thể chính của văn hóa Việt Nam). | 30/00/60 |  |
|  | A26098 | Ngôn ngữ học đại cương | - Hiểu được bản chất và chức năng ngôn ngữ và hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ  - Hiểu các kĩ năng học và tiếp cận lý luận ngôn ngữ trên lớp, kĩ năng đọc tài liệu lý luận, tham gia seminar; thuyết trình một vấn đề trong nội dung học và thảo luận nhóm, vận dụng được các tri thức lý luận vào những vấn đề cụ thể của Việt ngữ học.  - Hiểu được cơ chế hoạt động của ngôn ngữ học và ngôn ngữ học đại cương cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi về lý luận ngôn ngữ trên các phương diện quan yếu nhất (Bản chất, chức năng ngôn ngữ, hệ thống cấu trúc ngôn ngữ, cơ chế hoạt động ngôn ngữ, các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ trong ngôn ngữ học và liên ngành). Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp các tri thức cơ bản về các quan điểm, các trường phái lý luận trong ngôn ngữ học, đặc biệt là lý luận trong thế kỷ 20 và đương đại.  - Học phần cũng cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận và các kỹ năng cần thiết trong ngôn ngữ học. | 30/15/90 |  |
|  | A26099 | Lịch sử tiếng Việt | - Hiểu và trình bày được những cơ sở để xác định nguồn gốc tiếng Việt, những diễn biến chính trong các giai đoạn phát triển của lịch sử tiếng Việt.  - Áp dụng một số kiến thức về Ngôn ngữ học lịch sử để xác định quan hệ nguồn gốc và mức độ thân thuộc giữa các ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam. | 30/00/60 |  |
|  | A26100 | Văn học  dân gian | - Giúp cho sinh viên sinh viên lĩnh hội và tích lũy được những kiến thức cơ bản về văn học dân gian: hệ thống khái niệm, đặc trưng, chức năng, đặc điểm thể loại, tiến trình văn học dân gian, các phương pháp, thao tác tiếp cận văn học dân gian…  - Cung cấp kiến thức bước đầu về văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam trong nền văn học dân gian thống nhất và đa dạng. | 45/00/90 |  |
|  | A26101 | Văn học Việt Nam 1 | - Hiểu được những kiến thức cơ bản về tiến trình văn học trung đại Việt Nam như quan niệm sáng tác, phân kỳ các giai đoạn văn học, những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật.  - Biết được những kiến thức cơ bản về hoàn cảnh lịch sử, tình hình phát triển, những đặc điểm và những nội dung chủ yếu của các giai đoạn văn học từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIX.  - Biết được những kiến thức cơ bản về một số tác gia và phân tích được các tác phẩm tiêu biểu của các giai đoạn văn học từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIX. | 45/00/90 |  |
|  | A26102 | Văn học Việt Nam 2 | - Biết được quá trình vận động của lịch sử văn học Việt Nam: từ giai đoạn chuyển tiếp của nền văn học Việt Nam trung đại sang hiện đại; giai đoạn 1945 – 1975 – một thời kỳ văn học gắn liền với những năm tháng hào hùng nhất trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của dân tộc; văn học Việt Nam sau 1975 đến nay – nền văn học đã và đang tiếp tục mạch chảy với sự đa dạng và phức tạp trên nhiều phương diện.  - Hiểu được những đặc điểm của tình hình văn học Việt Nam từ năm 1900 đến nay: những điều kiện ảnh hưởng đến sự ra đời và phát triển của văn học Việt Nam trong từng thời kỳ, những đặc điểm cơ bản của văn học từng giai đoạn, những thành tựu nổi bật ở các thể loại trong từng thời kỳ, tìm hiểu về một số nhà văn, nhà thơ tiêu biểu chủ yếu về phương diện phong cách nghệ thuật từ đó thấy được những đóng góp của họ đối với sự phát triển của nền văn học Việt Nam hiện đại. | 45/00/90 |  |
|  | A26104 | Ngữ pháp học chức năng | - Hiểu những tiền đề lí thuyết cơ bản mà trên cơ sở đó Ngữ pháp học chức năng hình thành và phát triển.  - Vận dụng tri thức lí thuyết Ngữ pháp học chức năng vào việc tiếp cận câu tiếng Việt ở ba bình diện: cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng một cách có hiệu quả.  - Nhận thức được tính khoa học khách quan của Ngữ pháp học chức năng so với các khuynh hướng ngữ pháp học truyền thống. | 30/00/60 |  |
|  | A27155 | Ngữ dụng học | - Hiểu được những khái niệm cơ bản của ngữ dụng học: ngữ cảnh, sự chiếu vật, hành động ngôn từ, hội thoại, ý nghĩa tường minh, ý nghĩa hàm ẩn.  - Hiểu được các quy tắc dụng ngữ: quy tắc chiếu vật, quy tắc thực hiện các hành động ngôn từ, quy tắc lập luận, quy tắc hội thoại.  - Biết được các quy tắc giao tiếp lịch sự. | 30/00/60 |  |
|  | A26105 | Phong tục và lễ hội ở Việt Nam | - Cung cấp những kiến thức cơ bản về phong tục tập quán nói chung và những thuần phong mĩ tục của Việt Nam nói riêng.  - Biết phân biệt, lựa chọn những phong tục tập quán phù hợp với cuộc sống mới để tuyên truyền, bảo lưu, đồng thời gạt bỏ những phong tục tập quán cổ hủ.  - Trang bị cho SV kiến thức về phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân gian trong đời sống tâm linh của người Việt Nam.  - Hiểu rõ hơn về văn hóa của cộng đồng dân tộc Việt Nam, từ đó có ý thức giữ gìn và phát huy văn hóa dân tộc | 30/15/90 |  |
|  | A26106 | Địa danh học và địa danh Việt Nam | - Hiểu được kiến thức nền về ngành địa danh học, phân biệt địa danh du lịch với các loại địa danh khác, so sánh mối tương quan giữa các loại địa danh với nhau.  - Biết được các phương pháp nghiên cứu cũng như các nguyên tắc đặt tên địa danh để làm tiền đề nghiên cứu sau này.  - Phân biệt được các vùng địa danh cơ bản, phân tích các nét đặc thù của địa danh của mỗi vùng miền cụ thể, để có cái nhìn tổng thể về địa danh của mỗi vùng trên đất nước.  - Phân ra các loại địa danh cụ thể để có thể đi sâu nghiên cứu một cách chi tiết.  - Giải thích nguồn gốc địa danh của một số địa danh du lịch tiêu biểu. | 30/00/60 |  |
|  | A26107 | Văn hóa  thế giới | - Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nền văn hóa thế giới, hiểu được quy luật hình thành và phát triển cùng những thành quả của các nền văn hóa các dân tộc trên thế giới.  - Xây dựng quan điểm và phẩm chất nhân văn, khơi dậy khát vọng tìm hiểu nghiên cứu các nền văn hóa,văn minh, giáo dục thái độ trân quí giữ gìn những thành tựu và di sản vô giá của văn hóa nhân loại cho SV. | 30/00/60 |  |
|  | A26108 | Tâm lý du khách và Nghệ thuật giao tiếp | - Sinh viên lãnh hội được những kiến thức cơ bản nhất về giao tiếp và ứng xử theo truyền thống dân tộc và theo thông lệ quốc tế, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.  - Hiểu kỹ năng giao tiếp và vận dụng kỹ năng giao tiếp tốt sẽ giúp sv gặt hái thành công trong công việc và cuôc sống. Mọi việc bắt đầu từ giao tiếp để sv thấy được tầm quan trọng của giao tiếp.  - Luôn có ý thức rèn luyện và trau dồi phẩm chất đạo đức, từ đó hình thành và phát triển nghề nghiệp vững vàng, hình thành phong cách giao tiếp văn minh lịch sự. | 20/10/60 |  |
|  | A26109 | Mỹ học  đại cương | - Hiểu được những vấn đề cơ bản về quy luật hình thành và những yếu tố cấu thành những giá trị thẩm mỹ của xã hội và nghệ thuật.  - Hiểu đúng và đầy đủ về các yếu tố liên quan đến chủ thể và khách thể thẩm mỹ, những quan niệm mỹ học về cái đẹp, cái trác tuyệt, cái bi, cái hài.  - Hiểu được những kiến thức cơ bản về các loại hình nghệ thuật và những công trình nghệ thuật nổi tiếng trên thế giới qua các thời kỳ. | 30/00/60 |  |
|  | A26110 | Phong cách học tiếng Việt | - Hiểu được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về phong cách học tiếng Việt.  - Hiểu được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đặc điểm tu từ của các phương tiện và các biện pháp tu từ tiếng Việt.  - Hiểu được các quy luật, các thao tác kết hợp và lựa chọn trong vận dụng ngôn ngữ. Hiểu biết những vấn đề về phong cách ngôn ngữ tiếng Việt; sự tương đồng và dị biệt giữa các phong cách từ đó cho thấy sự đa dạng trong cách phô diễn, cũng như sự phát triển và thống nhất của tiếng Việt. | 30/00/60 |  |
|  | A26111 | Tổng quan ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam | - Hiểu và trình bày được những đặc điểm chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng của các nhóm ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam; những quan hệ về nguồn gốc, quan hệ tiếp xúc giữa các ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam; các xu hướngbiến đổi chung của các nhóm ngôn ngữ; hiểu được chính sách ngôn ngữ dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam.  - Áp dụng một số kiến thức về ngôn ngữ học lịch sử để xác định quan hệ nguồn gốc và mức độ thân thuộc giữa các ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam. | 30/00/60 |  |
|  | A26112 | Dẫn luận ngôn ngữ học | - Hiểu được những khái niệm cơ bản và quan trọng nhất của ngôn ngữ học.  - Trình bày hiểu biết tổng quan về các đơn vị ngôn ngữ và về các chức năng của ngôn ngữ; các bình diện ngôn ngữ.  - Hiểu được các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ; bản chất, nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển của ngôn ngữ; các loại hình ngôn ngữ. | 30/00/60 |  |
|  | A26113 | Các tôn giáo trên thế giới và Việt Nam | - Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất tôn giáo: nguồn gốc ra đời, bản chất, các đặc điểm, nội dung giáo lý của một số tôn giáo thế giới lớn và sự hiện diện của chúng ở Việt Nam.  - Hiểu được một cách cơ bản phương pháp nghiên cứu của Tôn giáo học. Hiểu được bản chất, nguồn gốc, kết cấu và một số chức năng cơ bản của tôn giáo cũng như tiến trình ra đời và phân loại tôn giáo. Hiểu được một số tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam (Sự ra đời, đặc trưng, sự thờ cúng, v.v.); sự ra đời, giáo lý cơ bản của một số tôn giáo thế giới cũng như sự du nhập của nó vào Việt Nam như: Phật giáo, Kitô giáo, Islam. Hiểu được cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách đối với tôn giáo ở Việt Nam hiện nay và những nội dung cơ bản của chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo. | 30/00/60 |  |
|  | A27162 | Ngữ âm tiếng Việt | - Hiểu được khái niệm về các bộ phận ngữ âm đoạn tính, siêu đoạn tính; các tiêu chí phân loại các hệ thống ngữ âm.  - Hiểu được mối quan hệ giữa ngữ âm và chữ viết; các quy định, các mẹo luật viết chính tả tiếng Việt.  - Nhận thức được vai trò của các bộ phận ngữ âm, đặc biệt vấn đề thanh điệu, một đặc thù của ngữ âm tiếng Việt. | 30/00/60 |  |
|  | A27163 | Từ vựng – Ngữ nghĩa học tiếng Việt | - Cung cấp các thành phần ý nghĩa của từ; phương pháp phân tích nghĩa tố để từ đó hiểu được cấu trúc nghĩa của từ.  - Hiểu được đặc thù vốn từ phương ngữ các vùng miền, tính đa nguồn của vốn từ tiếng Việt.  - Phân tích các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt; chỉ ra được mối quan hệ giữa các kiểu cấu tạo và các mô hình ngữ nghĩa. | 45/00/90 |  |
|  | A27134 | Ngữ pháp tiếng Việt | - Hiểu rõ lý thuyết về cụm từ, những vấn đề về cách thức tổ chức và quan hệ cú pháp của các từ trong cụm từ tiếng Việt.  - Hiểu và vận dụng lý thuyết về câu, những vấn đề về cấu trúc câu, phân loại câu tiếng Việt. | 45/00/90 |  |
|  | A27135 | Ngôn ngữ Báo chí | - Trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản trong lĩnh vực ngôn ngữ báo chí, yêu cầu sinh viên nắm vững vấn đề trên cơ sở thực tế báo chí tiếng Việt.  - Sinh viên biết cách sử dụng ngôn ngữ để viết một số thể loại báo chí nhất định như: bản tin, phóng sự, kí sự, bài bình luận… | 30/00/60 |  |
|  | A27136 | Phương ngữ học  Tiếng Việt | - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức thiết yếu về phương ngữ học như: khái niệm cơ bản, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, việc phân vùng phương ngữ tiếng Việt.  - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc trưng của các vùng phương ngữ tiếng Việt; nhận diện được dạng chuẩn và biến thể các phương ngữ tiếng Việt.  - Hiểu được giá trị vận dụng của phương ngữ tiếng Việt trong các văn bản nói chung, nhất là trong các tác phẩm văn chương. | 30/15/90 |  |
|  | A27137 | Di tích thắng cảnh Việt Nam | - Giúp sinh viên biết những cơ sở lý luận về di tích và thắng cảnh Việt Nam và các di tích, thắng cảnh nổi tiếng ở miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam  - Hiểu được tầm quan trọng và các giải pháp bảo tồn và phát triển các di tích, thắng cảnh ở Việt Nam. | 20/10/60 |  |
|  | A27138 | Du lịch  văn hóa | - Hiểu được những quan niệm, đặc trưng của Du lịch. Tìm hiểu về văn hóa du lịch từ đó phân biệt giữa du lịch văn hóa và văn hóa du lịch.  - Nhìn nhận được vai trò, tầm quan trọng của văn hóa Việt Nam trong sự phát triển của ngành du lịch.  - Khái quát những kỹ năng và nghiệp vụ du lịch văn hóa thông qua việc nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa trong các chương trình du lịch văn hóa. | 20/10/60 |  |
|  | A27139 | Du lịch  sinh thái | - Hiểu những vấn đề lý luận và thực tiễn về du lịch sinh thái để áp dụng vào thực tiễn phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.  - Đánh giá được tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam  - Vận dụng những kiến thức về quy hoạch du lịch sinh thái trên thế giới để quy hoạch phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam | 20/10/60 |  |
|  | A27140 | Tổng quan du lịch | - Hiểu được các khái niệm cơ bản về du lịch như du lịch, loại hình du lịch, khách du lịch, tài nguyên du lịch... Vận dụng được các kiến thức này vào tìm hiểu thực tế phát triển du lịch ở Việt Nam và thế giới.  - Phân tích được mối quan hệ giữa các yếu tố cơ bản trong hoạt động du lịch như khách du lịch, tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, thị trường du lịch và hoạt động kinh doanh du lịch. | 20/10/60 |  |
|  | A27141 | Tổ chức sự kiện và Du lịch MICE | - Sau khi học xong học phần này, sinh viên trang bị được những kiến thức về tổ chức sự kiện như: nguyên tắc, phương pháp tổ chức sự kiện. Từ đó, sinh viên có thể ứng dụng để xây dựng một sự kiện hoàn chỉnh và phân tích, đánh giá, tổng hợp các kỹ năng, phương pháp tổ chức một sự kiện để thực hành các kỹ năng tổ chức sự kiện cho cho phù hợp. | 20/10/60 |  |
|  | A27142 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | - Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về Hoạt động hướng dẫn, nghề hướng dẫn và hướng dẫn viên du lịch.  - Hiểu được những yêu cầu cần có của Hướng dẫn viên vể các mặt kiến thức: các kiến thức cơ bản về địa lý, cảnh quan, văn hóa của đất nước, kiến thức về kỹ năng nghiệp vụ. Đồng thời biết được những yêu cầu về phẩm chất, đức tính của người hướng dẫn.  - Có được kiến thức tổng quát về những công việc cần làm trong quá trình thực hiện một chương trình du lịch với vai trò là một người hướng dẫn.  - Giúp cho sinh viên hiểu được cái khái niệm về tham quan cũng như các yếu tố cấu thành cơ bản của tham quan. Đồng thời, giúp sinh viên hiểu được nội dung công việc chuẩn bị hướng dẫn tham quan, từ đó có thể tổ chức tốt công tác hướng dẫn tham quan với nhiều hình thức khác nhau.  - Giúp sinh viên hiểu được những yêu cầu và cách thức xây dựng một bài thuyết minh. Những lưu ý trong kỹ thuật thuyết minh sẽ giúp sinh viên tránh được một số lỗi trong quá trình thuyết minh. Đó cũng là một lợi thế khi tiến hành thực tập và tác nghiệp.  - Hiểu được những yêu cầu chung khi xử lý những tình huống trong hoạt động du lịch, vận dụng vào việc giải quyết những tình huống cụ thể.  - Có kiến thức cũng như biết được một số kỹ năng cần thiết để tạo nên sự thành công của nghề hướng dẫn (Kỹ năng hoạt náo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử…) | 30/30/90 |  |
|  | A27143 | Kỹ năng Thuyết minh du lịch | - Sau khi học xong học phần này, sinh viên trang bị được những kiến thức về thuyết minh du lịch như: nguyên tắc, phương pháp thuyết minh du lịch. Từ đó, sinh viên có thể ứng dụng để xây dựng một bài thuyết minh hoàn chỉnh và phân tích, đánh giá, tổng hợp các kỹ năng, phương pháp thuyết minh để thực hành các kỹ năng thuyết minh du lịch cho phù hợp. | 20/10/60 |  |
|  | A27144 | Anh văn chuyên ngành 1 | - Biết được thuật ngữ chuyên ngành về cơ sở vật chất trong nhà hàng, khách sạn, những công việc và ngành nghề trong lĩnh vực du lịch, các lễ hội và các phương tiện đi lại.  - Nhận biết các loại hình lưu trú khi đi du lịch, nhiệm vụ của những vị trí nghề nghiệp khác nhau trong lĩnh vực du lịch, đặc điểm của các loại lễ hội.  - Biết cách áp dụng những kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế tại nhà hàng, khách sạn và các địa điểm du lịch ở mức độ đơn giản.  - Biết kiến thức cơ bản về nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch để tạo ra sản phẩm phục vụ cộng đồng. | 22/08/60 |  |
|  | A27145 | Anh văn chuyên ngành 2 | - Biết các từ vựng và mẫu câu thông dụng trong tiếng Anh về các tình huống ở nhà hàng, khách sạn; ngôn ngữ hướng dẫn tại viện bảo tàng, đài tưởng niệm, xưởng thủ công mỹ nghệ; ngôn ngữ giới thiệu về các lễ hội và cách thức đặt vé cho các phương tiện đi lại.  - Biết cách áp dụng dụng những kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế tại nhà hàng, khách sạn và các địa điểm du lịch ở mức độ trung cấp.  - Có kiến thức cơ bản về nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch để tạo ra sản phẩm phục vụ cộng đồng. | 22/08/60 |  |
|  | A27146 | Văn hóa các dân tộc ở Đồng bằng Sông Cửu Long | - Hiểu được bức tranh chung về các dân tộc thiểu số và tình trạng ngôn ngữ văn hoá các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Từ đó, nhận biết đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của người nghiên cứu và xử lý những vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và văn hoá các dân ở Việt Nam.  - Hiểu được bức tranh địa lý - xã hôi ngôn ngữ học liên quan dến ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam.  - Hiểu được một cách đại cương về những vấn đề cơ bản của việc phân loại ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam theo quan hệ cội nguồn.  - Hiểu được một số khái niệm và một vài nội dung cơ bản nhất về ngôn ngữ học xã hội được đặt ra khi tiếp cận với vùng ngôn ngữ dân ở Việt Nam. | 30/00/60 |  |
|  | A27147 | Địa lí du lịch thế giới | - Hiểu được những kiến thức cơ bản về vị trí địa lý của 7 châu lục, 22 khu vực và các thực thể địa chính trị (Geopolitical Entities) tiêu biểu trên thế giới, kiến thức về các loại tài nguyên du lịch, sự kết hợp của chúng theo lãnh thổ và xác định phương hướng cơ bản của việc khai thác các loại tài nguyên ấy.  - Phân tích, đánh giá các điểm đến tiêu biểu thu hút khách du lịch hàng đầu thế giới ở các khu vực và các quốc gia tiêu biểu trên thế giới. | 20/10/60 |  |
|  | A27148 | Văn hóa truyền thông | - Giúp sinh viên hiểu tầm quan trọng của hoạt động báo chí trong việc truyền thông về văn hóa.  - Cung cấp kiến thức cơ bản về các quan hệ văn hóa trong hoạt động báo chí, truyền thông. Qua đó, xác định các mục tiêu văn hóa của hoạt động báo chí, truyền thông trong những điều kiện cụ thể. | 30/00/60 |  |
|  | A27149 | Hán nôm  cơ sở | - Biết các nét, các quy tắc và kết cấu khi viết chữ Hán.  - Biết nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển chữ Hán theo từng giai đoạn lịch sử cụ thể.  - Biết rõ 6 phương pháp (loại) trong cấu tạo và sử dụng chữ Hán.  - Hiểu được hình – âm – nghĩa của 214 bộ thủ cũng như vai trò, ý nghĩa của bộ thủ trong cấu tạo chữ Hán.  - Biết các đặc điểm cơ bản của chữ Hán.  - Từ chữ, nghĩa và kết cấu ngữ pháp trong từng câu, từng đoạn đi tới việc hiểu nội dung một văn bản chữ Hán cụ thể. | 20/10/60 |  |
|  | A27150 | Hán nôm nâng cao | - Hiểu biết cơ bản về tình hình văn học, các giai đoạn văn học cổ trung đại của Trung Quốc.  - Hiểu biết rõ ràng về bối cảnh, tình hình văn học thời Tiên Tần; nắm được tư tưởng triết học, quan điểm cơ bản của giai đoạn Tiên Tần.  - Hiểu biết rõ ràng về tình hình, đặc điểm thi ca Trung Hoa nói chung qua Kinh thi và Đường thi. | 20/10/60 |  |
|  | A27151 | Thực tế ngoài trường TV&VHVN | - Giúp sinh viên mở rộng kiến thức thực tế như phương ngữ, phong tục tập quán, sinh hoạt, ẩm thực, kiến trúc, tôn giáo, đặc điểm địa lý, kinh tế, xã hội... của các địa phương, vùng, miền ngoài Đồng bằng sông Cửu Long để ứng dụng tìm hiểu nội dung của các tác phẩm văn chương; ngôn ngữ học và các kiến thức liên quan đến du lịch. Bên cạnh đó, môn học còn tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng như làm việc nhóm, tập thể; kỹ năng thu thập thông tin, phân tích và đánh giá, ứng dụng thông tin lý thuyết vào thực tiễn cuộc sống. | 00/180/360 |  |
|  | A27152 | Thực tập nghiệp vụ du lịch | - Trang bị cho sinh viên những hiểu biết thực tế về công việc tại các công ty du lịch. Với sự hỗ trợ của các công ty, sinh viên có điều kiện tác nghiệp theo đúng chuyên ngành hướng dẫn. | 00/135/270 |  |
|  | A27153 | Khóa luận tốt nghiệp | - Giúp sinh viên thực hành nghiên cứu khoa học, hệ thống hóa và vận dụng các kiến thức lý thuyết đã được tích lũy để giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể có độ khó và độ rộng tương ứng với số tín chỉ quy định. | 00/450/900 |  |
|  | A27154 | Nghệ thuật học | - Khái quát phương pháp luận và đặc điểm các loại hình nghệ thuật.  - Giới thiệu những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật phương Đông và nghệ thuật phương Tây  - Mô tả/trình bày được sự ra đời của nghệ thuật, một số lý thuyết nghệ thuật quan trọng, một số giai đoạn nghệ thuật tiêu biểu ở phương Đông lẫn phương Tây  - Trình bày khái niệm, lịch sử hình thành, đặc trưng, phân loại của các loại hình nghệ thuật.  - Trình bày đặc trưng của văn chương – nghệ thuật ngôn từ - và mối quan hệ giữa văn chương với các loại hình nghệ thuật khác. | 30/00/60 |  |
|  | A27147 | Phương pháp biên tập văn bản Báo chí | - Giúp sinh viên hiểu những kiến thức chung về công tác biên tập.  - Sinh viên có thể phân tích, phát triển, sửa chữa các bản thảo; Hiểu được tầm quan trọng, khả năng tác động của công tác biên tập đối với sự phát triển của báo chí. | 30/00/60 |  |
|  | A27156 | Văn hóa, dân cư, môi trường Đồng bằng sông Cửu Long | - Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ĐBSCL - châu thổ lớn nhất nước ta và là một trong 6 châu thổ lớn nhất thế giới, đồng thời là vùng trọng điểm số một của cả nước về lương thực thực phẩm như sông Mekong và Đồng bằng sông Cửu Long, môi trường và tài nguyên thiên nhiên, lịch sử khai thác lãnh thổ, dân cư dân tộc tôn giáo và những vấn đề phát triển ĐBSCL. | 30/15/90 |  |
|  | A27157 | Danh nhân đất Việt | - Nắm được những kiến thức cơ bản về các danh nhân theo tiến trình lịch sử, trên mọi lĩnh vực: chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, giáo dục, tư tưởng…  - Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử và văn hóa ở Việt Nam. | 20/10/60 |  |
|  | A27158 | Tuyến điểm du lịch  Việt Nam | - Giúp sinh viên hiểu rõ kiến thức địa lý, văn hoá, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyến-điểm du lịch của Việt Nam,  - Thiết kế các chương trình du lịch và phục vụ cho hoạt động thuyết minh hướng dẫn du lịch. | 20/10/60 |  |
|  | A27159 | Du lịch tôn giáo – Tâm linh | - Hiểu kiến thức cơ bản về du lịch, tâm linh, tôn giáo, du lịch tâm linh tôn giáo và các vấn đề liên quan  - Hiểu các kiến thức cơ bản về hệ thống các điểm du lịch tâm linh tôn giáo ở Việt Nam, đặc biệt là ở đồng bằng sông Cửu Long  - Lý giải được các vấn đề tâm linh tôn giáo liên quan đến du lịch | 30/15/90 |  |
|  | A27160 | Văn hóa trang phục Việt Nam | - Tiếp cận văn hóa trang phục của người Việt Nam  - Nâng cao trình độ tư duy trong việc nhận thức về trang phục của người Việt Nam  - Nhằm trang bị cho sinh viên nắm được một cách có hệ thống những kiến thức văn hóa trang phục của người Việt Nam.  - Nhận thức được nét văn hóa đặc sắc của người Việt Nam | 30/00/60 |  |
|  | Z05007 | Chủ nghĩa  Xã hội  Khoa học | - Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có  thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng  Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của  Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng  tư tưởng của Đảng;  - Cung cấp cơ sở khoa học để đề ra đường lối,  chính sách tác động vào các hoạt động kinh tế  - xã hội và định hướng cho sự phát triển kinh  tế - xã hội.  - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho  sinh viên  - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh  quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp  cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. | 21/09/60 |  |
|  | A27161 | Lữ hành nội địa và quốc tế | - Hiểu được những kiến thức cơ bản và những cơ sở thực tiễn về lữ hành, kinh doanh lữ hành.  - Thực hành công việc của một nhà kinh doanh lữ hành (thiết kế tour, định giá tour, quảng bá và thực hiện tour). | 30/15/90 |  |

**8. Hướng dẫn thực hiện:**

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam của Trường Đại học Kiên Giang được xây dựng căn cứ Theo Quyết định số 22/QĐ-ĐHKG ngày 22/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

Khối lượng kiến thức của khoá học 4 năm là 126 tín chỉ (Không tính các học phần GDTC và GDQP) được phân bố trong 8 học kỳ. Chương trình ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam được biên soạn theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

Các nhóm học phần sẽ được áp dụng phương pháp đánh giá theo quy chế hiện hành, theo hướng áp dụng các phương pháp giảng dạy và đánh giá đúng quy định hiện nay.

Tuỳ theo tính chất riêng của ngành học, tuỳ theo năng lực, sở trường của sinh viên, Trường sắp xếp bố trí tham gia các lớp bồi dưỡng kĩ năng mềm.

Về trình độ chuẩn đầu ra tiếng Anh áp dụng đối với ngành học là đạt chuẩn B1 (khung tham chiếu của Châu Âu) hoặc tương đương. Kiến thức các học phần tiếng Anh trong khung chương trình đào tạo thiết kế đạt trình độ B1. Ngoài ra, Nhà trường sẽ thiết kế chương trình học nâng cao trình độ tiếng Anh cho sinh viên tham gia học và thi ở trình độ B1.

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam sẽ điều chỉnh những học phần không nằm trong quy định bắt buộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều này nhằm phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và thế giới trong bối cảnh hiện nay.

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**

| **Học kì** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Học phần học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I (17 TC)** | **Học phần bắt buộc** | | **15** |  |
| Z06001 | Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam\* | 2 |  |
| F05010 | Tiếng Anh 1 | 3 |  |
| G05097 | Tin học cơ sở | 3 |  |
| A05008 | Giáo dục thể chất 1\* | 1 |  |
| A05005 | Pháp luật đại cương | 2 |  |
| A26099 | Lịch sử tiếng Việt | 2 |  |
| A05014 | Logic học đại cương | 2 |  |
| A26097 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 |  |
| **Học phần tự chọn (2/4 TC)** | | **4** |  |
| A05049 | Lịch sử văn minh thế giới | 2 |  |
| A05060 | Xã hội học đại cương | 2 |  |
| **II (18TC)** | **Học phần bắt buộc** | | **14** |  |
| Z05005 | Triết học Mác – Lênin | 3 |  |
| F05011 | Tiếng Anh 2 | 3 | F05010 |
| A05012 | Tâm lí học đại cương | 2 |  |
| A26098 | Ngôn ngữ học đại cương | 3 |  |
| A05009 | Giáo dục Thể chất 2\* | 1 | A05008 |
| Z06002 | Công tác Quốc phòng an ninh\* | 2 | Z06001 |
| **Học phần tự chọn (4/6 TC)** | | **6** |  |
| A26109 | Mỹ học đại cương | 2 |  |
| A26107 | Văn hóa thế giới | 2 |  |
| A26108 | Kĩ năng giao tiếp | 2 |  |
| **III (21TC)** | **Học phần bắt buộc** | | **17** |  |
| Z05006 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 | Z05005 |
| F05012 | Tiếng Anh 3 | 3 | F05011 |
| Z06003 | Quân sự chung \* | 2 | Z06002 |
| Z06004 | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật\* | 4 | Z06002 |
| A05010 | Giáo dục Thể chất 3\* | 1 | A05009 |
| A26112 | Dẫn luận ngôn ngữ học | 2 |  |
| A26100 | Văn học dân gian Việt Nam | 3 |  |
| A27140 | Tổng quan du lịch | 2 | A26112 |
| A27162 | Ngữ âm tiếng Việt | 2 | A26098 |
| **Học phần tự chọn (4/6 TC)** | | **6** |  |
| A27149 | Hán Nôm cơ sở | 2 |  |
| A26111 | Tổng quan Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số | 2 | A26098 |
| A26113 | Tôn giáo trên thế giới và Việt Nam | 2 |  |
| **IV (20TC)** | **Học phần bắt buộc** | | **20** |  |
| A26101 | Văn học Việt Nam 1 | 3 | A26100 |
| A05046 | Phương pháp nghiên cứu khoa học TVVHVN | 2 |  |
| A26103 | Văn hóa làng xã Việt Nam | 2 |  |
| A26105 | Phong tục và lễ hội ở Việt Nam | 3 | A26097 |
| A27163 | Từ vựng – Ngữ nghĩa học tiếng Việt | 3 | A27132 |
| A26106 | Địa danh học và địa danh Việt Nam | 2 |  |
| A27159 | Du lịch Tôn giáo - Tâm linh | 3 |  |
| Z05007 | Chủ nghĩa Xã hội khoa học | 2 | Z05005 |
| **V (17TC)** | **Học phần bắt buộc** | | **17** |  |
| Z05008 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | Z05006 |
| A26102 | Văn học Việt Nam 2 | 3 | A26101 |
| A27136 | Phương ngữ tiếng Việt | 3 |  |
| A27137 | Di tích thắng cảnh VN | 2 |  |
| A27138 | Du lịch văn hóa | 3 | A26112 |
| A26104 | Ngữ pháp học chức năng | 2 |  |
| A27157 | Danh nhân đất Việt | 2 |  |
| **VI (16TC)** | **Học phần bắt buộc** | | **16** | F05012 |
| Z05009 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | Z05008 |
| A27144 | Anh văn chuyên ngành 1 | 2 |  |
| A27143 | Kĩ năng Thuyết minh du lịch | 2 |  |
| A27139 | Du lịch sinh thái | 2 | A26112 |
| A27154 | Nghệ thuật học | 2 | A26104 |
| A27158 | Tuyến điểm du lịch Việt Nam | 2 | A26112 |
| **Học phần tự chọn (4/6 TC)** | | **6** |  |
| A27147 | Địa lí du lịch thế giới | 2 | A26112 |
| A27135 | Ngôn ngữ báo chí | 2 |  |
|  | A27141 | Tổ chức sự kiện và Du lịch MICE | 2 |  |
| **VII (16TC)** | **Học phần bắt buộc** | | **14** |  |
| A27151 | Thực tế ngoài trường | 4 | A27143 |
| A27152 | Thực tập nghề nghiệp | 3 | A27144 |
| A27148 | Văn hóa truyền thông | 2 |  |
| A27142 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | 3 |  |
| A27145 | Anh văn chuyên ngành 2 | 2 |  |
| **Học phần tự chọn (2/4 TC)** | | **4** |  |
| A27150 | Hán Nôm nâng cao | 2 | A27149 |
| A27162 | Phương pháp biên tập báo chí | 2 |  |
| **VIII (10TC)** | **Chọn 1 trong 2: Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc Học phần thay thế** | |  |  |
| A27153 | Khóa luận tốt nghiệp | **10** |  |
| Học phần thay thế (chọn 10/15 TC) | | **15** |  |
| A27155 | Ngữ dụng học | 2 |  |
| A27156 | Văn hóa, dân cư, môi trường ĐBSCL | 3 |  |
| A26110 | Phong cách học tiếng Việt | 2 |  |
| A27161 | Lữ hành nội địa và quốc tế | 3 | A26112 |
|  | A27134 | Ngữ pháp tiếng Việt | 3 |  |
|  | A27146 | Văn hóa các dân tộc ở ĐBSCL | 2 |  |
|  | **Tổng** | | **127** |  |
|  | **Bắt buộc** | | **111** |  |
|  | **Tự chọn** | | **16/24** |  |

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam của Trường Đại học Kiên Giang được xây dựng căn cứ Theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHKG ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 374/QĐ-ĐHKG ngày 19/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Khối lượng kiến thức của khoá học 4 năm là 126 tín chỉ (Không tính các học phần GDTC và GDQP) được phân bố trong 8 học kỳ. Chương trình ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam được biên soạn theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

Các nhóm học phần sẽ được áp dụng phương pháp đánh giá theo quy chế hiện hành, theo hướng áp dụng các phương pháp giảng dạy và đánh giá đúng quy định hiện nay.

Tuỳ theo tính chất riêng của ngành học, tuỳ theo năng lực, sở trường của sinh viên, Trường sắp xếp bố trí tham gia các lớp bồi dưỡng kĩ năng mềm.

Về trình độ chuẩn đầu ra tiếng Anh áp dụng đối với ngành học là đạt chuẩn B1 (khung tham chiếu của Châu Âu) hoặc tương đương. Kiến thức các học phần tiếng Anh trong khung chương trình đào tạo thiết kế đạt trình độ B1. Ngoài ra, Nhà trường sẽ thiết kế chương trình học nâng cao trình độ tiếng Anh cho sinh viên tham gia học và thi ở trình độ B1.

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam sẽ điều chỉnh những học phần không nằm trong quy định bắt buộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều này nhằm phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và thế giới trong bối cảnh hiện nay.

Căn cứ vào chương trình đào tạo, sinh viên tham khảo ý kiến của cố vấn học tập để lập kế hoạch học tập cho toàn khóa học cho phù hợp. Trước khi bắt đầu học kỳ, Nhà trường thông báo lịch học dự kiến cho từng ngành, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến, làm căn cứ để sinh viên đăng ký khối lượng học tập.

Ngoài các học phần đã tích lũy, để đạt được mục tiêu tốt nghiệp sinh viên phải tích lũy chứng chỉ kĩ năng mềm, chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học theo quy định của Trường.

Chương trình đào tạo có thể được điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 – Điều 8, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ GD&ĐT;  - Lưu: VT, QLĐT ĐH&SĐH. | **HIỆU TRƯỞNG** |